

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2018 CỦA HUYỆN NINH GIANG

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Loại đất hiện trạng	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Các Văn bản liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư, quyết định đầu tư, vốn đầu tư, quy hoạch chi tiết)
A	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh							
I	Công trình, dự án mục đích phục vụ an ninh quốc phòng							
1.1	Đất an ninh	1.70		1.70				
1	Trụ sở công an huyện Ninh Giang			1.70	LUC: 0,68ha, DGT: 0,21ha, DTL:0,16ha	Xã Đồng tâm	16(94,79,65,64,58,41,105,93,80,81,63,62,6184,83,82,91,106,113,122,107,108, 90, 89, 83,110,111,112,123)	NQ số 113/2015/NQ-HĐND ngày 9/07/2015 của HĐND tỉnh
					LUC: 0,55ha, DGT: 0,06ha, DTL:0,04ha	Xã Vĩnh Hòa	37(125,126,132,133,143,144,145,135,134,128,127,120,129,123,115,114)	
1.2	Đất quốc phòng	2.35		2.35				
1	Mở rộng Trường bắn và thao trường huấn luyện	1.70		1.70	LUC: 1,70ha	Xã Tân Quang	2 (117, 78, 73, 46, 48, 47, 74, 76, 110, 111, 115, 151, 150, 116, 117, 154, 153, 149, 147)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng BCH quân sự huyện Ninh Giang	0.15		0.15	LUC: 0,15 ha	Xã Vĩnh Hòa	16(35-40, 48-55, 59-68, 73-83, 85-95, 97-110, 114-118)	Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 5/10/2016
3	Dự án xây dựng công trình quốc phòng KVPT (Sở chỉ huy quân sự thống nhất)	0.50		0.50	LUC: 0,5ha	Xã Đông Xuyên	51(520,521,519,532,531) 56 (301,229,228,520,521)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
II	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng							
1	Công trình dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất							
2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất							
3	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
3.1	Đất cụm công nghiệp	2.63		2.63				
1	Nhà máy SX giầy dép xuất khẩu của Tập đoàn Better Power (thuộc CCN Hồng Phúc- Hưng Long)	0.99		0.99	LUC: 0,99ha	Xã Hưng Long	Tờ 19 thửa 11-10-45-54 về 11	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
2	Cơ sở kinh doanh xăng dầu và dịch vụ thương mại tại Cụm công nghiệp Nghĩa An	1.64		1.64	LUC: 1,64ha	Xã Nghĩa An	27(390-270-377-375-376-419-499-488)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
3.2	Đất giao thông	23.20		23.20				
				0.05	LUC: 0,05ha	Xã Hoàng Hanh		

1	Cầu giao thông nông thôn sử dụng thanh đường sắt Bắc - Nam	0.20		0.05	LUC: 0,05ha	Xã Ứng Hòa	10 17 Tờ 13	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
				0.05	LUC: 0,05ha	Xã Hồng Dụ	Tờ 13	
				0.05	LUC: 0,05ha	Xã An Đức	Tờ 23	
2	Dự án đường 396 kéo dài đoạn từ QL37 đến nút giao giữa đường 390 tới đường ô tô cao tốc HN-HP GĐ1	2.00		2.00	LUC: 2ha	Xã Vĩnh Hòa	Tờ bản đồ số: 31,34,35	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3	Dự án xây dựng trục đường Bắc Nam đoạn từ QL38B đến đường 392	21.00		21.00	LUC: 20,03ha; DTL 0,97ha	Xã Hồng Đức	Tờ bản đồ số:1,5,6,12,17,22	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3.3	Đất thủy lợi	2.50		2.50				
	Nâng cấp tuyến đê tả sông Luộc, tỉnh Hải Dương (tu bổ đê, kè, công)	2.50		2.50	LUC: 2,5ha	Xã Hưng Long, Xã Hiệp Lực	Tờ bản đồ số: 25,26,27 Tờ bản đồ số: 12,19,23,24,25,28,29	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
3.4	Đất công trình năng lượng							
1	Các công trình năng lượng trên địa bàn huyện			1.060	LUC: 1,06ha	Các xã, thị trấn (có phụ lục chi tiết kèm theo)		Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
3.5	Đất giáo dục	1.50		0.94				
1	Mở rộng trường THPT Khúc Thừa Dụ	1.50	0.56	0.94	LUC: 0,81ha; NTS: 0,13ha	Xã Tân Hương	11 (11,17,18,19,33, 34)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
B	Công trình, dự án cấp huyện							
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất							
1	Đất phát triển hạ tầng							
1.1	Đất giao thông	0.52		0.52				
1	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện từ điểm giao quốc lộ 37 đi vào khu tượng đài Bác Hồ, xã Hiệp Lực	0.52		0.52	LUC: 0,07ha; NTS:0,02ha; ONT:0,04ha; DTL:0,39ha	Xã Hiệp Lực	31(79,99,51,17); 32(3,23-29,56,79); 5(320-323, 355-357, 363-365, 399, 400-403, 446, 473-476, 489, 490, 491, 458,509; 6 (4, 16, 90, 120, 149, 279)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
1.2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	1.79		1.79				
1	Mở rộng trường tiểu học xã Quyết Thắng	0.25		0.25	LUC: 0,25ha	Xã Quyết Thắng	18(21,35,36,59,60,61,78,79,93,94);	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Mở rộng trường tiểu học xã Hồng Dụ	0.15		0.15	LUC: 0,15ha	Xã Hồng Dụ	11(33,34,35,36,37,38)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng trường Mầm non xã Văn Hội	0.11		0.11	LUC: 0,07ha; NTS:0,04ha	Xã Văn Hội	15(75,81,82,89,90,93)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
4	Mở rộng trường Tiểu học xã Văn Hội	0.19		0.19	LUC: 0,17ha; NTS:0,02ha	Xã Văn Hội	15; 34(111,03)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
5	Mở rộng trường THCS xã Văn Hội	0.14		0.14	LUC: 0,09ha; NTS:0,05ha	Xã Văn Hội	15(111,105)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
6	Xây dựng trường Mầm non xã Hồng Phong	0.95		0.95	LUC: 0,74ha; NTS:0,21ha	Xã Hồng Phong	Thửa 54-56 thuộc tờ bản đồ số 10; Thửa 493-497 thuộc tờ bản đồ số 14	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
1.3	Đất cơ sở thể dục - thể thao	4.33		4.33				
1	QH mới sân thể thao xã Hồng Đức	1.00		1.00	LUC: 1ha	Xã Hồng Đức	23(227-229-203-105-84-83-227)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh

2	QH sân thể thao trung tâm xã Hoàng hanh	1.24		1.24	LUC: 1,01ha; NTS:0,12ha; CNL:0,11ha	Xã Hoàng Hanh	17(307-314, 285-290, 300, 263-265), 18(122, 123, 157-159, 160-165, 184- 188, 190, 191, 198-203, 214)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3	QH sân thể thao trung tâm xã Quang Hưng	0.35		0.35	LUC: 0,35ha	Xã Quang Hưng	14 (26;27;28;29;30;32)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
4	Sân vận động xã Ninh Hải	1.05		1.05	LUC: 1,05	Xã Ninh Hải	19(14-17, 25-27, 30-39, 42-53, 60-70, 79-95)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
5	Sân vận động trung tâm xã Tân Phong	0.69		0.69	LUC:0,61, NTS 0,08	Xã Tân Phong	33(54-59-107-149-144-96-76-68-54)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
1.4	Đất chợ							
1	Chợ Bồng Lai xã Ninh Hải	0.27		0.27	LUC: 0,27ha	Xã Ninh Hải	19 (112;129;130;160;161;162)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng chợ huyện Ninh Giang	0.15		0.15	LUC:0,1ha; CLN:0,05ha	TT Ninh Giang, Xã Đông Tâm	51(317;355)	Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND huyện
2	Đất ở	38.13		38.13				
1	Đất ở nông thôn 3, xã Tân Hương	0.18		0.18	CLN:0,06ha; DTL:0,12ha	Xã Tân Hương	14 (2-5;17-24;26-38)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Điểm dân cư mới xã Ninh Thành	1.62		1.62	LUC 1,62	Xã Ninh Thành	7 (246-255); 12(07-13); 13(178)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3	Điểm dân cư mới xã Hồng Đức (điểm dân cư số 1, 03 xuất đất giáp chợ Mè)	0.30		0.30	LUC:0,3ha	Xã Hồng Đức	22(198,199,200-207)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
4	Điểm dân cư mới xã Tân Phong	0.44		0.44	LUC:0,39ha, NTS: 0,05ha	Xã Tân Phong	38(101,102,120,121,138,139,164,166- 168,180,181,183)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
5	Điểm dân cư mới xã Văn Hội	0.97		0.97	LUC: 0,62ha; NTS:0,26ha, CLN:0,06ha; DTL:0,03ha	Xã Văn Hội	32(01, 02,03,04, 05,06); 11(229-246, 251-272, 274, 275)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
6	Điểm dân cư mới xã Đông Xuyên	0.89		0.89	LUC: 0,89ha	Xã Đông Xuyên	24(204, 161, 162-249-359-204)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
7	Công trình khu dân cư mới phía Nam xã Tân Hương trong đó: Đất ở (ONT) là 46.360m ² ; đất giao thông(DGT) là 40.827m ² ; đất công công (ccc) là 1.007m ² ; đất cây xanh là 12.101m ² ; đất hạ tầng kỹ thuật 712m ² ; đất làm bãi đỗ xe là 3.118m ²	10.41		10.41	LUC: 9,91ha; HNK: 0,16ha; DTL: 0,03ha; NTD: 0,06ha	Xã Tân Hương	Tờ 27 thửa 186,202,203, 219-221, 236, 237, 243-245,284, 296-299,310- 315,330-337,343-351, 363-377,383- 393; tờ 30 thửa 3-17,30-38,40-48, 57- 70, 79-82, 84-110, 123-145, 158-165, 171-174, 186- 197, 199-200, 232-234, 236- 245, 248,249,289-297, 340-344, 364-365,450,452	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
8	Công trình điểm dân cư và kinh tế phức hợp xã Ứng Hòa trong đó: Đất thương mại, dịch vụ (TMD) là 37.515,5m ² ; đất ở là 50.402m ² ; đất giao thông (DGT) là 50.283m ² ; đất hạ tầng kỹ thuật là 764m ² ; đất cây xanh 9.142m ² ; bãi đỗ xe 3.047 m ² ; đất công cộng 1.221m ²	15.27		15.27	LUC: 12,32ha; DGT:2,32ha; DTL: 0,63ha	Xã Ứng Hòa	Tờ 2 thửa 01; tờ 4 thửa 01-324; tờ 05 thửa 309-651; tờ 10 thửa 23-26; tờ 11 thửa 1-4, 19-24, 43-48, 64-65, 68-72, 88-99, 117-128, 148-157, 177-183, 208-215, 235-238, 263-265	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh

9	Điểm dân cư mới xã Tân Quang	3.51		3.51	LUC: 3,51ha	Xã Tân Quang	22(110-196-221-222-225-271-269) 25(2;3;4;5;8;9;10;15) 26(55-91-91-114-113-130)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
10	Điểm dân cư mới xã Hồng Dụ	1.16		1.16	LUC: 0,59ha, NTS:0,39ha, CLN: 0,12ha, DTL:0,06ha	Xã Hồng Dụ	10(292-341-444-439-446-448-338-292), 18(30-15-17-19-26-55-30)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
11	Điểm dân cư mới xã Ninh Hòa	0.88		0.88	LUC:0,44ha, NTS:0,05ha, DGT:0,18ha, DTL:0,21ha	Xã Ninh Hòa	02(27-30,112-116); 03(124,121,125,128)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
12	Điểm dân cư mới xã Vĩnh Hòa	2.5		2.5	LUC: 2,5ha	Xã Vĩnh Hòa	29(233-196-197-263-351-369-398-396-394-233)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
4	Đất trụ sở cơ quan	1.78		1.78				
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Ứng Hòe (*)	0.40		0.4	LUC: 0,4ha	Xã Ứng Hòe	11(504-449-486-561-504)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Hoàng Hanh	0.45		0.45	LUC: 0,45ha	Xã Hoàng Hanh	18(185-182-192-210-214-185)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng UBND xã Hưng Thái	0.15		0.15	LUC: 0,15ha	Xã Hưng Thái	21(39)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng Trụ sở xã Đông Xuyên	0.78		0.78	LUC: 0,78ha	Xã Đông Xuyên	24 (114-47-49-119-160-114)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2.38	-	2.38				
1	Công trình nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tranh Xuyên, thôn Vè + thôn Giám, xã Đồng Tâm	2.38		2.38	LUC: 2,25ha, HNK:0,13ha	Xã Đồng Tâm	Thôn Tranh Xuyên từ 10 (268, 282, 283, 264, 280, 249, 263, 279, 284, 285, 286); từ 19 (04, 11, 5, 10, 7, 6, 22, 25, 8, 23, 24, 39, 38, 41, 58, 59, 78, 57). Thôn Vè từ 6 (134, 135, 153, 152,	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
6	Đất sinh hoạt cộng đồng	0.50		0.50				
1	Nhà văn hoá thôn Xuân Trì xã Hoàng Hanh	0.25		0.25	LUC: 0,25ha	Xã Hoàng Hanh	23(52,59,71,72,73,57,58)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Nhà văn hoá thôn Bùi Hòa xã Hoàng Hanh	0.25		0.25	LUC: 0,25ha	Xã Hoàng Hanh	19(80,81,82,90,128)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất							
1	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	7.15		7.15				

1	Xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung - Công ty cổ phần xây dựng Thịnh Đạt	1.61		1.61	LUC: 1,40ha; DGT: 0,13ha; DTL: 0,09ha	Xã Vạn Phúc	16(298-175-51-61-20-298)	Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh
2	Dự án cơ sở sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, VLXD	1.50		1.50	LUC: 1,13ha; NTS: 0,24ha; DGT: 0,10ha; DTL: 0,03ha	Xã Nghĩa An	Tờ 27 thửa 1-7; 40,41,48-54;81-93;97-108;131-138;146-148;533;534	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
3	Nhà máy chế biến nông sản xuất nhập khẩu Vạn Phúc	1.31		1.31	E:1,01ha, DGT: 0,17ha, DTL: 0,1	Xã Vạn Phúc	Tờ 23 (thửa 3,4,5), tờ 15(thửa 313-314-305-316-388-384-326-313), tờ 16 (thửa 212,213,267,268,269)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh
4	Nhà máy xuất gạch tuynel Phúc Thịnh công suất 20 triệu viên/năm	2.73		2.73	LUC:1,91ha, CLN:0,6ha, DGT: 0,18ha, DTL:0,04ha	Xã Hồng Phong	15(403;407;408;409) 21 (98;97-42-43-74-90-93-107-102) 22 (123-92-24-22-20-94-122)	Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh